

CUSTIN

Tận hưởng mọi hành trình.





Phong cách thiết kế “**Parametric Dynamic**” trên Hyundai Custin phối cùng các đường nét hiện đại tinh xảo tạo nên vẻ đẹp độc đáo trẻ trung.



Cụm đèn LED thiết kế “**Parametric Hidden Lights**” kết hợp với các đường nét hiện đại tạo nên hình ảnh trẻ trung đẳng cấp cho Hyundai Custin.



Đèn chiếu sáng LED



Cụm đèn hậu LED



Cửa bên trượt điện



Cốp điện thông minh
(1.5T Đặc biệt/ 2.0T Cao cấp)



Thiết kế khoang nội thất lấy cảm hứng từ phi thuyền không gian, Hyundai Custin hướng đến sự thoải mái tiện nghi cho cả người lái và hành khách với phong cách sang trọng, hiện đại đi kèm một không gian rộng rãi.



Màn hình thông tin dạng Kỹ thuật số



Màn hình giải trí 10.4 inch



Phanh tay điện tử



Lấy chuyển số dạng nút bấm



Ghế thương gia tích hợp sưởi và làm mát ghế (1.5T Đặc biệt/ 2.0T Cao cấp)



Điều hòa tự động với cửa gió cho 3 hàng ghế



Cửa sổ trời đôi (1.5T Đặc biệt/ 2.0T Cao cấp)



Smartkey cùng khởi động bằng nút bấm

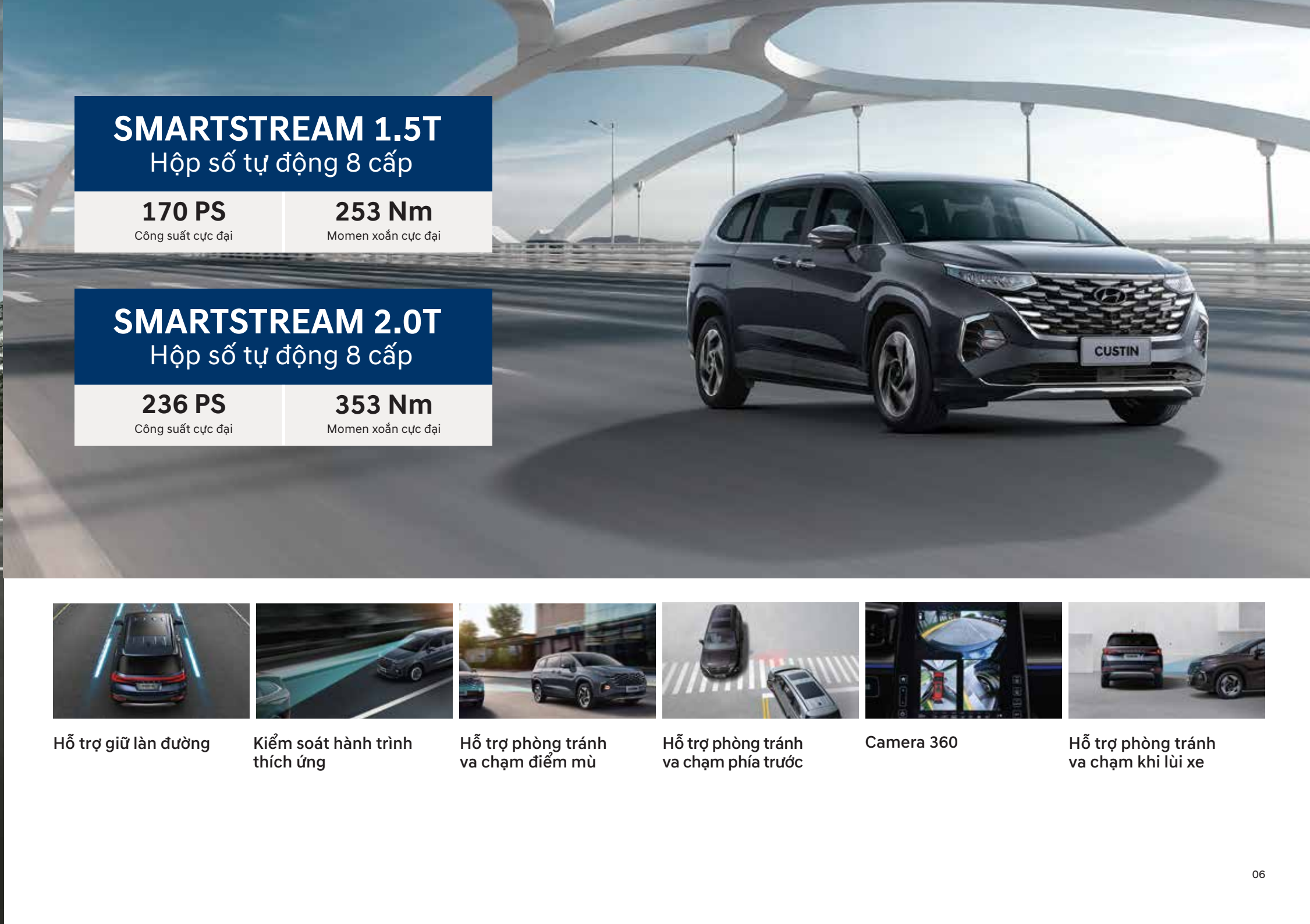


Tính năng walk-in (1.5T Đặc biệt/ 2.0T Cao cấp)



ĐỘNG CƠ – VẬN HÀNH – AN TOÀN

Hyundai Custin sử dụng động cơ thế hệ mới Smartstream cùng với đầy đủ công nghệ hỗ trợ lái thông minh tiên tiến mang đến trải nghiệm lái xe vượt trội trong phân khúc.



SMARTSTREAM 1.5T

Hộp số tự động 8 cấp

170 PS

Công suất cực đại

253 Nm

Momen xoắn cực đại

SMARTSTREAM 2.0T

Hộp số tự động 8 cấp

236 PS

Công suất cực đại

353 Nm

Momen xoắn cực đại



Hỗ trợ giữ làn đường



Kiểm soát hành trình thích ứng



Hỗ trợ phòng tránh va chạm điểm mù



Hỗ trợ phòng tránh va chạm phía trước



Camera 360



Hỗ trợ phòng tránh va chạm khi lùi xe

CUSTIN	1.5T Tiêu Chuẩn	1.5T Đặc Biệt	1.5T Cao Cấp	2.0T Cao Cấp
Kích thước tổng thể (DxRxC) (mm)	4950x1850x1725			
Chiều dài cơ sở (mm)	3055			
Khoảng sáng gầm xe (mm)	174			
Động cơ	Smartstream 1.5T			Smartstream 2.0T
Dung tích xi lanh (cc)	1.497			1.975
Công suất cực đại (PS/rpm)	170/5500			236/6000
Mô men xoắn cực đại (Nm/rpm)	253/1500-4000			353/1500-4000
Dung tích bình nhiên liệu (Lit)	58			
Hộp số	8AT			
Hệ thống dẫn động	FWD			
Phanh trước/sau	Đĩa/Đĩa			
Hệ thống treo trước	MacPherson			
Hệ thống treo sau	Thanh cân bằng			
Thông số lốp	Hợp kim 225/60R17	Hợp kim 225/55R18		
Ngoại thất				
Đèn chiếu sáng	LED			
Kích thước vành xe	17 inch	18 inch		
Đèn LED định vị ban ngày	o	o	o	o
Đèn pha tự động	o	o	o	o
Xi nhan trên gương	o	o	o	o
Ảnh ten vẩy cá mập	o	o	o	o
Tay nắm cửa mạ Chrome	o	o	o	o
Gương hậu chỉnh điện, gập điện, có sấy	o	o	o	o
Đèn hậu LED	o	o	o	o
Lưới tản nhiệt mạ Chrome	o	o	o	o
Ốp hốc lốp	Màu đen	Cùng màu thân xe		
Cửa sổ trời đôi	-	o	o	o
Đèn bậc cửa	-	o	o	o
Nội thất và tiện nghi				
Ghế da	o	o	o	o
Vỏ lãg bọc da	o	o	o	o
Màn hình giải trí cảm ứng	10.4 inch			
Màn hình đa thông tin	4.2 inch TFT LCD			
Hệ thống loa	4	6	6	6
Cần số dạng nút bấm	o	o	o	o
Ghế chỉnh điện	Ghế lái	Ghế lái + Ghế phụ		
Nhớ vị trí ghế lái	-	-	o	o
Ghế sau thư giãn chỉnh điện 10 hướng	-	o	o	o
Cửa sổ chỉnh điện 1 chạ	Ghế lái	Tất cả vị trí		
Thông gió và sưởi hàng ghế trước	-	-	o	o
Thông gió và sưởi hàng ghế sau	-	o	o	o
Sạc không dây ở 2 hàng ghế	-	o		
Cửa trượt thông minh	Phía hành khách	Cả 2 bên xe		
Rèm che nắng phía sau	-	o	o	o
Điều hoà tự động	1 vùng			
Cốp điện	-	o	o	o
Lấy chuyển số sau vô lăng	o	o	o	o
Chìa khoá thông minh có chức năng khởi động từ xa	o			
An toàn				
Hệ thống chống bó cứng phanh (ABS)	o	o	o	o
Hệ thống cân bằng điện tử (ESC)	o	o	o	o
Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc (HAC)	o	o	o	o
Cảm biến trước/sau	o	o	o	o
Cảm biến áp suất lốp (TPMS)	o	o	o	o
Camera lùi	o	-	-	-
Camera 360°	-	o	o	o
Phanh tay điện tử EPB và Auto Hold	o	o	o	o
Điều khiển hành trình (Cruise Control)	o	o	-	-
Điều khiển hành trình thích ứng (Smart Cruise Control)	-	-	o	o
Phòng tránh va chạm điểm mù (BCA)	-	-	o	o
Cảnh báo người ngồi hàng ghế sau (ROA)	-	-	o	o
Phòng tránh va chạm phía trước (FCA)	-	-	o	o
Hỗ trợ giữ và duy trì làn đường (LKA & LFA)	-	-	o	o
Đèn pha tự động thích ứng (HBA)	-	-	o	o
Cảnh báo người lái mất tập trung (DAW)	-	-	o	o
Số túi khí	4	6		

BẢNG TIÊU THỤ NHIÊN LIỆU				
Phiên bản	1.5T Tiêu Chuẩn	1.5T Đặc Biệt	1.5T Cao Cấp	2.0T Cao Cấp
Kết hợp	6.91	7.13	7.37	8.49
Trong đô thị	9.08	9.31	8.82	12.53
Ngoài đô thị	5.65	5.86	6.53	6.10

BẢNG MÀU NGOẠI THẤT



Trắng



Bạc



Xanh lục bảo



Đen



Xám kim loại



Xanh bóng đêm

KÍCH THƯỚC

Đơn vị: mm



LƯU Ý:

- Các giá trị trên đây là kết quả của các cuộc kiểm tra nội bộ và có thể thay đổi sau khi được kiểm nghiệm lại.
- Xe thực tế có thể có đôi chút khác biệt so với hình ảnh trong catalogue.
- Hyundai Thành Công có quyền thay đổi các thông số kỹ thuật và trang thiết bị mà không cần báo trước.
- Màu sắc in trong catalogue có thể sai khác nhỏ so với màu sắc thực tế.
- Vui lòng liên hệ với đại lý để biết thêm chi tiết.



Vì lợi ích của bạn
hãy cài đầy an toàn khi lái xe



Số km bảo hành
100,000 km

Hyundai Thành Công Việt Nam
www.hyundai.thanhcong.vn